

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 25-11-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Phạm Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Vũ L, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị T - Công ty TNHH K - Đoàn luật sư thành phố H.

- **Người kháng cáo:** Anh Phạm Văn Vũ L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bích H trình bày: Chị H và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2022 tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vào năm 2024, vợ chồng có mua 01 chiếc xe tải biển số 64H - 02959. Hiện tại giá trị của chiếc xe là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Nguồn tiền để mua chiếc xe là tiền của cha mẹ chồng chị bán đất cho tiền chị H, anh L mua xe. Nay chị H yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe tải với số tiền là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị H yêu cầu anh L chia cho chị bằng 70.000.000 đồng.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn Vũ L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Nay bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Đối với chiếc xe tải biển số 64H- 02959 là tài sản riêng của anh L. Nguồn tiền để mua xe do anh L mượn mẹ anh 300.000.000 đồng, khi anh mượn tiền thì chị H không biết. Anh L1 thống nhất giá trị chiếc xe hiện tại là 200.000.000 đồng. Nay anh không đồng ý chia giá trị chiếc xe cho chị H là 70.000.000 đồng. Chiếc xe là tài sản riêng của anh.

- Về nợ chung của vợ chồng: không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân kh vực 4- Vĩnh Long đã tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích H và anh Phạm Văn Vũ L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bích H về việc yêu cầu anh Phạm Văn Vũ L chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe tải biển số 64H - 02959 số tiền 70.000.000 đồng.

Buộc anh Phạm Văn Vũ L có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Bích H số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Anh Phạm Văn Vũ L được quyền sở hữu chiếc xe tải biển số 64H - 02959 do anh L đứng tên chủ sở hữu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 8/8/2025 anh Phạm Văn Vũ L kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung cho chị Lê Thị Bích H.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh Vũ L có cung cấp thêm chứng cứ mới là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/01/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Phan Văn Vũ L2 ngày 31/01/2023.

- Chị Lê Thị Bích H thừa nhận chiếc xe tải do cha mẹ của anh L2 cho đất anh L2 bán để mua xe chị có phụ tiền sửa chữa và đăng ký xe hơn 20.000.000 đồng, chị yêu cầu anh L2 phải chia cho chị một phần để đảm bảo cuộc sống sau khi ly hôn.

- Anh L2 khai chiếc xe tải anh mua từ tiền chuyển nhượng đất của cha mẹ anh cho anh để mua xe khi nào có tiền thì trả cho mẹ anh. Khi mua xe chị L2 chỉ

có phụ hơn hai triệu đồng để đăng ký xe. Nay anh yêu cầu công nhận quyền sở hữu chiếc xe tải biển số 64H- 02959, anh đồng ý hỗ trợ cho chị L2 bằng 10.000.000 đồng do có phần đóng góp tiền đăng ký xe để hoạt động

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Chiếc xe tải biển số 64H – 02959 anh L2 mua từ nguồn tiền cha mẹ anh L2 cho đất anh L2 bán để lấy tiền mua xe nên chiếc xe là tài sản riêng của anh L2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L2 sửa bản án sơ thẩm không chia cho chị H giá trị chiếc xe tải biển số 64H - 02959 do anh L2 đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên anh L2 đồng ý cho chị L2 10.000.000 đồng để tạo cuộc sống khác đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của anh Vũ L2 có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm anh L2 có cung cấp chứng cứ chứng minh chiếc xe tải biển số 64H- 02959 anh L2 mua từ tiền chuyển nhượng đất cho cha mẹ anh L2 tặng cho đất riêng anh L2. Chị H cho rằng có cùng phụ 20.000.000 đồng để sửa chữa xe và đăng ký xe để hoạt động, anh L2 không thừa nhận chị H không có chứng cứ chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh L2, sửa bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L2 hỗ trợ cho chị L2 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn Vũ L còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn Vũ L không đồng ý chia cho chị H 50% giá trị chiếc xe tải biển số 64H – 02959. Anh L khai chiếc xe là tài sản riêng của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Vũ L cung cấp chứng cứ năm 2023 anh được cha mẹ là ông Phạm Văn Q và bà Trần Thị H1 cho riêng diện tích đất 2.430,1 m² đất anh L chuyển nhượng đất được 600.000.000 đồng anh L lấy tiền mua xe biển số 64H – 02959 bằng 280.000.000 đồng. Chị H thừa nhận chiếc xe anh L mua tiền chuyển nhượng đất. Chị L3 cho rằng sau khi mua xe chị có phụ tiền để làm thủ tục đăng kiểm và làm biển số gắn phù hiệu xe hơn 20.000.000 đồng, anh L3 thừa nhận chị H chỉ phụ tiền đăng ký biển số xe hơn hai triệu đồng. Chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đưa anh L3 20.000.000 đồng để sửa chữa, đăng ký xe hoạt động.

Như vậy chiếc xe biển số 64H – 02959 hình thành từ tài sản riêng của anh L3. Chị H có công trong việc cùng đi mua xe và phụ tiền làm thủ tục đăng kiểm.

Tại phiên tòa anh L3 đồng ý cho chị H bằng 10.000.000 đồng để tạo dựng cuộc sống khác, số tiền này cũng tương đương 5% giá trị xe là phần công sức đóng góp vào chiếc xe của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn Vũ L sửa một phần bản án sơ thẩm. Việc sửa bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi do có chứng cứ mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ một phần được chấp nhận, ý kiến kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết có trong vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Vũ L được chấp nhận nên không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 43, Điều 59 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo anh Phạm Văn Vũ L.

- Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn Vũ L cho chị Lê Thị Bích H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Anh Phạm Văn Vũ L được quyền sở hữu chiếc xe tải biển số 64H - 02959 do anh L đứng tên chủ sở hữu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích H và anh Phạm Văn Vũ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 3.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009881 ngày 27/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm nên cần trừ, còn lại 3.650.000 đồng hoàn trả cho chị Lê Thị Bích H.

Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Văn Vũ L không phải chịu. Hoàn trả cho anh L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000 1710 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 4- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 - Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung